

Hoàn thành		224	45	12	1			37	13	1		1	51	16	1		1	38	8			1	53	10			1
Chưa hoàn thành																											
8. Mĩ thuật	920	920	189	85	1			164	72	3		1	210	99	4	3	2	168	79	2	1	1	189	77			1
Hoàn thành tốt		714	149	75				126	59	2			166	85	2	2		127	67	2	1		146	68			
Hoàn thành		206	40	10	1			38	13	1		1	44	14	2	1	2	41	12			1	43	9			1
Chưa hoàn thành																											
9. HĐTN	920	920	189	85	1			164	72	3		1	210	99	4	3	2	168	79	2	1	1	189	77			1
Hoàn thành tốt		804	168	79				145	71	1			198	97	4	3	2	135	70	2	1		158	69			
Hoàn thành		116	21	6	1			19	1	2		1	12	2				33	9			1	31	8			1
Chưa hoàn thành																											
10. GDTC	920	920	189	85	1			164	72	3		1	210	99	4	3	2	168	79	2	1	1	189	77			1
Hoàn thành tốt		753	160	78				126	56	3			180	88	3	2		139	72	1	1		148	66			1
Hoàn thành		167	29	7	1			38	16			1	30	11	1	1	2	29	7	1		1	41	11			
Chưa hoàn thành																											
11. Công nghệ	567	567											210	99	4	3	2	168	79	2	1	1	189	77			1
Hoàn thành tốt		472											156	81	2	2		148	72	2	1		168	73			
Hoàn thành		95											54	18	2	1	2	20	7			1	21	4			1
Chưa hoàn thành																											
12. Tin học	920	731						164	72	3		1	210	99	4	3	2	168	79	2	1	1	189	77			1
Hoàn thành tốt		607						139	60	2			170	89	4	3		137	73	2	1		161	70			
Hoàn thành		124						25	12	1		1	40	10			2	31	6			1	28	7			1
Chưa hoàn thành																											
13. Ngoại ngữ	920	920	189	85	1			164	72	3		1	210	99	4	3	2	168	79	2	1	1	189	77			1
Hoàn thành tốt		617	147	68	1			121	55	2			146	79	1	1		95	56	2	1		108	57			
Hoàn thành		303	42	17				43	17	1		1	64	20	3	2	2	73	23			1	81	20			1
Chưa hoàn thành																											
14. Tiếng dân tộc	920																										
Hoàn thành tốt																											
Hoàn thành																											
Chưa hoàn thành																											
II. Năng lực cốt lõi																											
Năng lực chung																											
Tự chủ và tự học	920	920	189	85	1			164	72	3		1	210	99	4	3	2	168	79	2	1	1	189	77			1
Tốt		809	169	81				136	65	2			197	96	3	3	1	155	77	2	1		152	68			
Đạt		111	20	4	1			28	7	1		1	13	3	1		1	13	2			1	37	9			1
Cần cố gắng																											
Giao tiếp và hợp tác	920	920	189	85	1			164	72	3		1	210	99	4	3	2	168	79	2	1	1	189	77			1

Yêu nước	920	920	189	85	1			164	72	3		1	210	99	4	3	2	168	79	2	1	1	189	77				1
Tốt		890	186	85	1			164	72	3		1	210	99	4	3	2	162	78	2	1		168	73				
Đạt		30	3															6	1			1	21	4				1
Cần cố gắng																												
Nhân ái	920	920	189	85	1			164	72	3		1	210	99	4	3	2	168	79	2	1	1	189	77				1
Tốt		882	186	85	1			158	71	3		1	210	99	4	3	2	160	77	2	1		168	73				
Đạt		38	3					6	1									8	2			1	21	4				1
Cần cố gắng																												
Chăm chỉ	920	920	189	85	1			164	72	3		1	210	99	4	3	2	168	79	2	1	1	189	77				1
Tốt		827	182	83	1			154	69	3		1	192	94	3	3	2	150	77	2	1		149	70				
Đạt		93	7	2				10	3				18	5	1			18	2			1	40	7				1
Cần cố gắng																												
Trung thực	920	920	189	85	1			164	72	3		1	210	99	4	3	2	168	79	2	1	1	189	77				1
Tốt		877	186	85	1			157	71	3		1	209	99	4	3	1	158	77	2	1		167	73				
Đạt		43	3					7	1				1				1	10	2			1	22	4				1
Cần cố gắng																												
Trách nhiệm	920	920	189	85	1			164	72	3		1	210	99	4	3	2	168	79	2	1	1	189	77				1
Tốt		867	185	85	1			157	71	3		1	210	99	4	3	2	156	76	2	1		159	71				
Đạt		53	4					7	1									12	3			1	30	6				1
Cần cố gắng																												
IV. Đánh giá KQGD	920	920	189	85	1			164	72	3		1	210	99	4	3	2	168	79	2	1	1	189	77				1
- Hoàn thành xuất		239	58	27				46	22	1			50	31				42	23	1	1		43	25				
- Hoàn thành tốt□		252	53	33				44	21				62	33	1	1		43	29				50	24				
- Hoàn thành		420	70	22	1			73	29	2		1	98	35	3	2	2	83	27	1		1	96	28				1
- Chưa hoàn thành□		9	8	3				1																				
V. Khen thưởng		557	116	63				102	48	1			131	76	1	1		95	59	1	1		113	60				
- Giấy khen cấp trường		491	111	60				90	43	1			112	64	1	1		85	52	1	1		93	49				
- Giấy khen cấp trên		66	5	3				12	5				19	12				10	7				20	11				
VI. HSDT được trợ giảng																												
VII. HS.K.Tật		5						1				1	2					2	1				1	1				1
VIII. HS bỏ học kỳ II																												
+ Hoàn cảnh GĐKK																												
+ KK trong học tập																												
+ Xa trường, đi lại K.khăn																												
+ Thiên tai, dịch bệnh																												
+ Nguyên nhân khác																												
IX. Chương trình lớp h	920	920	189	85	1			164	72	3		1	210	99	4	3	2	168	79	2	1	1	189	77				1

Hoàn thành	911	911	181	82	1			163	72	3		1	210	99	4	3	2	168	79	2	1	1	189	77			1
Chưa hoàn thành <input type="checkbox"/>	9	9	8	3				1																			

Rạng Đông, ngày 08 tháng 6 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Liên